|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

**BÀI 34: ĐOẠN THẲNG. ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG**

Thời gian thực hiện: (02 tiết)

**I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:**

- Biết định nghĩa đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.

-Nhận biết đoạn thẳng, biết đo độ dài đoạn thẳng và so sánh độ dài các đoạn thẳng.

- Giải được các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng và độ dài của đoạn thẳng.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS biết đo độ dài và tổng hợp kết quả và nhật xét.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, phiếu học tập (Hình 8.33) , máy chiếu (Các hình SGK).

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bút chì.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1. Khởi động** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** Nhắc lại về đoạn thẳng và đo độ dài đoạn thẳng; Hình ảnh về đoạn thẳng và việc cần thiết biểu diễn, đo độ dài đoạn thẳng.

**b) Nội dung:** Thông qua câu hỏi GV, câu trả lời của học sinh và hình ảnh thực tế đưa ra việc cần thiết phải biểu diễn và đo độ dài đoạn thẳng.

**c) Sản phẩm:** Các em nhớ lại hình ảnh của đoạn thẳng và cách đo độ dài.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**? Bạn nào vẽ được đoạng thẳng AB?? Các em có đo được độ dài đoạn thẳng đó không? và dùng dụng cụ nào để đo?? Quan sát (SGK) Bút chì, đôi đũa là hình ảnh của các đường thẳng, so sánh độ dài của bút chì và đôi đũa ?**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- Lăng nghe, quan sát và trả lời câu hỏi.**\* Kết luận, nhận định:** - Trong thực tế có rất nhiều hình ảnh về đoạn thẳng và mỗi đoạn thẳng sẽ có một độ dài, để so sánh độ dài hai đoạn thẳng ta có thể đo độ dài chúng. Để biểu diễn một đoạn thẳng lên trang giấy và cách đo độ dài đoạn thẳng đó như thế nào… Chúng ta tìm hiểu 2 phần: 1. Đoạn thẳng - Đo độ dài đoạn thẳng (tiết 1), Phần 2. So sánh độ dài đoạn thẳng - luyện tập. |  |

**2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức (38 phút)**

**Hoạt động 2.1: Hình thành khái niệm**(28 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành được khái niệm đoạn thẳng.

- Gọi tên các đoạn thẳng có trong hình 8.26.

**b) Nội dung:**

- Cho HS đọc và trả lời HĐ 1, HĐ 2 (SGK)

- Tìm hiểu khái niệm trong khung màu vàng.

- Trả lời ? hình 8.26.

**c) Sản phẩm:**

- HS có được khái niệm và biết gọi tên các đoạn thẳng trong hình.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**HS trả lời các câu hỏi: - Cho HS đọc và trả lời HĐ 1, HĐ 2 (SGK)? Em có nhận xét (NX) gì về những vị trí ……? (SGK)? Em có NX gì về vị trí hai điểm C và D ….? (SGK)- Tìm hiểu khái niệm trong khung màu vàng.? Đoạn thẳng AB là gì? Điểm A và B còn gọi là gì?- Trả lời ? hình 8.26. hình có mấy đoạn thẳng?**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- Đọc, quan sát và lắng nghe GV hướng dẫn để hoàn thành nhiệm vụ.**\* Báo cáo, thảo luận:**- Lắng nghe, quan sát và trả lời câu hỏi.**\* Kết luận, nhận định 1:** - Phần khung màu vàng nhạt (SGK) | **1. ĐOẠN THẲNG**\*Các câu trả lời:- Vị trí người đó đã đi qua đều nằm giữa hai điểm A và B.- Hai điểm C và D đều nằm trên phần vạch kẻ màu đen.- Đoạn thẳng AB là hình gồm … (SGK).- Hình 8.26: Đoạn thẳng AB, BC, CA hoặc AC, CB, BA.- Hình có 3 đoạn thẳng.\* Kết luận:- Phần khung màu vàng nhạt (SGK) |

**Hoạt động 2.2: Luyện tập 1**

**a) Mục tiêu:**

- Qua hình vẽ đọc tên các đoạn thẳng theo yêu cầu.

**b) Nội dung:**

- Quan sát trên máy chiếu hình 8. 27

**c) Sản phẩm:**

- Gọi tên các đoạn thẳng theo yêu cầu khi cho hình vẽ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**- Đọc luyện tập 1, cá nhân trả lời??**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.**\* Báo cáo, thảo luận:**- Hai HS báo cáo bằng cách trả lời miệng**\* Kết luận, nhận định 1:** - Hai điểm bất kỳ ta luôn có một đoạn thẳng và hai điểm đó chính là các đầu mút. | **Luyện tập 1.**a) AB, BC.b) AB, CD. |

**Hoạt động 2.3: Vận dụng 1.**

**a) Mục tiêu:**

- Qua hình vẽ, từ hai điểm trong thực tế luôn nối được một đoạn thẳng.

**b) Nội dung:**

- Thông qua phiếu học tập hình 8.28 (SGK).

- Trao đổi và phát biểu ý kiến cá nhân.

**c) Sản phẩm:**

- Nối trong phiếu học tập và trả lời câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| \* GV giao nhiệm vụ học tập: - GV giao phiếu HS đọc mục vận dụng 1.- Tra đổi và thảo luận 2 bạn.\* HS thực hiện nhiệm vụ:- HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm 2 bạn.\* Báo cáo, thảo luận: - GV quan sát phiếu gọi một số nhóm trả lời\* Kết luận, nhận định 1: - Ít nhất 3 cây cầu: AD. AE, AC.- Qua hai điểm ta luôn vẽ được 1 đường thẳng. | **Vận dụng 1.**- Ít nhất 3 câu cầu: AD. AE, AC. |

**Hoạt động 3. Độ dài đoạn thẳng (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành được khái niệm độ dài đoạn thẳng bằng nhận xét.

- Gọi tên và đọc được độ dài đoạn thẳng, các cách đo độ dài đoạn thẳng

**b) Nội dung:**

- Cho HS đọc và trả lời HĐ 3, HĐ 4 (SGK)

- Tìm hiểu và nêu nhận xét (in đậm) SGK, trả lời nội dung hình 8.29.

- HS phát biểu khung nền trắng SGK và tự đọc 2 chấm đen (SGK).

- HS trả lời câu hỏi (? màu đỏ), GV HD học sinh tìm hiểu phần chú ý.

**c) Sản phẩm:**

- HS có nhận xét về độ dài đoạn thẳng, cách đọc và gọi tên độ dài đoạn thẳng theo đơn vị.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**- Cho HS đọc và trả lời HĐ 3, HĐ 4 (SGK)- Tìm hiểu và nêu nhận xét (in đậm) SGK, trả lời nội dung hình 8.29.- HS phát biểu khung nền trắng SGK và tự đọc 2 chấm đen (SGK).- HS trả lời câu hỏi (? màu đỏ), GV HD học sinh tìm hiểu phần chú ý.**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- Đọc và tìm hiểu, quan sát và lắng nghe GV hướng dẫn để hoàn thành nhiệm vụ trên.**\* Báo cáo, thảo luận:**- Trả lời câu hỏi của giáo viên**\* Kết luận, nhận định 1:** - Mỗi đoạn thẳng có một số đo độ dài, đơn vị (mm, cm, dm, m, km …)- Để đo độ dài ta lựa chọn dụng cụ đo phù hợp và cách đo hợp lý. | **3. ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG****\*Các câu trả lời:**- Bàn học dài 13 găng tay; SGK chiều rộng 19cm, chiều dài 26cm.- AB = 23mm = 2,3cmCD = 4cm = 40mm**\* Kết luận**- Mỗi đoạn thẳng có một độ dài, đơn vị (mm, cm, dm, m, km …)- Độ dài đoạn thẳng AB còn được gọi là khoảng cách giữa hai điểm A và B.- Để đo độ dài ta lựa chọn dụng cụ đo phù hợp và cách đo hợp lý. |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học;

- Học thuộc: Khái niệm đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.

- Đọc mục so sánh độ dài đoạn thẳng

- Làm bài tập 8.10 (SGK)

**Tiết 2**

**4. Hoạt động 4. So sánh độ dài đoạn thẳng** (15 phút)

 **a) Mục tiêu:** HS biết đo độ dài đoạn thẳng, so sánh hai đoạn thẳng và dùng ký hiệu.

- HS biết sử dụng ký hiệu và tính tổng độ dài đoạn thẳng để so sánh theo yêu cầu.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện HĐ 5, tìm hiểu ví dụ và tự trả lời luyện tập 2; Thảo luận vận dụng 2.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời luyện tập 2 và phần vận dụng 2.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập :**- Thực hiện HĐ 5 (cá nhân thực hiện)- Tìm hiểu ví dụ ? Để so sánh độ dài các đoạn thẳng em phải biết thông tin gì? Tính tổng độ dài hai đoạn thẳng em làm thế nào?- Tự trả lời luyện tập 2; - Thảo luận vận dụng 2? Khi đo chiều dài của vật cần chú ý gì?**\* HS thực hiện nhiệm vụ :**- HS thực hiện các yêu cầu.**\* Báo cáo, thảo luận:**- Trả lời các câu hỏi trên.**\* Kết luận, nhận định:** - So sánh độ dài ta phải biết số đo trong cùng một đơn vị độ dài.- Có thể đo độ dài một đoạn thẳng bằng nhiều cách. | **3. So sánh hai đoạn thẳng**HĐ 5.  a) AB = EG = 3cmb) AB < CD (vì 3cm < 4cm)c) CD > EG (vì 4cm >3cm)Luyện tập 2:MQ = NP; MP = NQVận dụng 2:Chiều dài bút chì nhỏ hợn chiều dài thước (vì 15cm <20cm).\* Kết luận: So sánh độ dài hai đoạn thẳng ta phải biết số đo của chúng với cùng một đơn vị độ dài.- Có thể đo độ dài một đoạn thẳng bằng nhiều cách và lựa chọn dụng cụ đo thích hợp. |

**3. Hoạt động 5:** Bài tập (27 phút)

**a) Mục tiêu:**

Nhắc lại khái niệm đoạn thẳng, cách gọi tên, đặt tên, cách vẽ đoạn thẳng, đo độ dài, so sánh và thực hành.

**b) Nội dung:**

- GV nhắc lại nội dung theo mục tiêu.

- Giải bài tập 8.10; 8.11; 8.12; 8.13; 8.14

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời các bài tập và lời trình bày mỗi bài.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập :**Giải bài tập 8.10; 8.11; 8.12; 8.13; 8.14 ( thảo luận 2-3 phút một bài)**\* HS thực hiện nhiệm vụ :**- HS thực hiện từng bài.**\* Báo cáo, thảo luận:**- Trả lời các câu hỏi của giáo viên thông qua gợi ý.**\* Kết luận, nhận định:** - So sánh độ dài ta phải biết số đo trong cùng một đơn vị độ dài.- Có thể đo độ dài một đoạn thẳng bằng nhiều cách. | **3. So sánh hai đoạn thẳng**8.10. OM = ON vì cùng bằng bán kính đường tròn 2cm.8.11. Đoạn bị gẫy 3cm nên độ dài đoạn thẳng AB = 12 - 3 = 9(cm)8.12. Lớp học dài 0,6.18 = 10,6 (m).8.13. CD, EF, GH, AB, IK.8.14. Trước khi bị gẫy cây dài 1,75+ 3 = 4, 75 (m). |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (3 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học;

- Học thuộc: Khái niệm đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.

- Đọc lại mục so sánh độ dài đoạn thẳng

- BTVN: 1. Mỗi bạn đo độ dài bàn học mình ngồi và tính chu vi hình chữ mặt bàn đó.

 2. Tính độ dài 1 đôi đũa mà em dùng ở nhà.